

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 183/2025/DS-PT

Ngày 04-4-2025

V/v “*Tranh chấp đòi tài sản là
QSDĐ và yêu cầu huỷ hợp đồng
tặng cho QSDĐ*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn;

Các Thẩm phán: 1. Ông Phạm Văn Diệp;

2. Bà Dương Thuý Hằng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 762/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2024, về “*Tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất*” và “*Yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32a/2024/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vương Tiến T, sinh năm 1995; trú tại: khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn:

1. Ông Vương Minh T1, sinh năm 1964; trú tại: ấp C, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Bà Vương Thị Thùy T2, sinh năm 1989; trú tại: khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đoàn Thị T3, sinh năm 1964; trú tại: ấp C, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Ông Mai Anh V, sinh năm 1989; trú tại: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Vương Minh T1, bà Vương Thị Thùy T2 và bà Đoàn Thị T3: ông Mai Anh V, sinh năm 1989; trú tại: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (theo các Giấy uỷ quyền ngày 26-5-2023, ngày 02-3-2024; ngày 05-8-2024 và ngày 08-3-2025) và chị Phùng Thị Mỹ H, sinh năm 1988; trú tại 2 M, phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy uỷ quyền ngày 08-3-2025); anh V vắng mặt, chị H có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Vương Minh T1, bà Vương Thị Thùy T2 và bà Đoàn Thị T3: Ông Trần Văn D là Luật sư của Công ty L1; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25-4-2023 và trong quá trình làm việc nguyên đơn là ông Vương Tiến T trình bày:

Ông bà họ V1 (Dương) của ông T có khai khẩn tạo lập được một phần đất thổ cư và đất vườn tọa lạc tại khu phố B, thị trấn B với diện tích là 6.684 m². Phần đất này do ông bà nội của ông T là cụ Vương Văn Đ và Lê Thị Đ1 quản lý, cư ngụ, gìn giữ thờ cúng ông từ trước năm 1975. Sau đó, những người con của các cụ lập gia đình và cũng được các cụ cho cất nhà sinh sống trên diện tích đất này xung quanh (như con thứ 4 là bà Vương Thị H1, con thứ năm là bà Vương Thị R, con thứ sáu là bà Vương Thị B), riêng ba ông T là Vương Minh T4 con út còn ở chung với cụ Đ, cụ Đ1. Năm 1982, cụ Đ mất lúc này nhà chỉ còn lại ba ông T sống với cụ Đ1. Sau đó, gia đình bà R, bà B đã chuyển đi nơi khác sinh sống, trên mảnh đất lúc này chỉ còn lại nhà bà H1 và cụ Đ1. Sau năm 1994, ông T4 có vợ nên cụ Đ1 về sống chung với người con thứ ba là ông Vương Văn T5, giao nhà lại cho ông T4 thờ cúng. Vào năm 2001, ông T4 bị tai nạn giao thông chết, do hoàn cảnh quá khó khăn các em ông T theo mẹ ruột về quê Long An sinh sống, còn ông T được một người cô thứ 7 mang về nuôi. Lúc này trên phần đất duy nhất chỉ còn lại nhà bà H1 ở lại đây quản lý, gìn giữ và thờ cúng ông bà. Vì nguồn gốc đất là của dòng họ nên dù ông bà nội ông T đã sử dụng quản lý đã từ rất lâu nhưng vẫn chưa có giấy chứng nhận QSDĐ. Để yêu cầu được cấp Giấy CNQSDĐ cần phải hợp dòng họ lại thống nhất việc này. Do vậy, năm 2004 dòng họ V1 (D1) của ông T có tiến hành họp lại để phân chia đất, cuộc họp có đại diện đầy đủ các gia đình tộc họ (có 13 người đại diện tham dự), trong đó đại diện cho gia đình ông bà nội ông T (ông Vương Văn Đ) có bác ba ông T là ông Vương Văn T5, cô tư ông T là bà Vương Thị H1 và bác mười ông T là ông Vương Minh T1.

Căn cứ vào nguồn gốc khai phá và công lao bảo vệ gìn giữ cũng như tôn tạo mảnh đất này, đại diện các gia đình tộc họ thống nhất sẽ chia diện tích đất này cho gia đình của ông nội ông T (là ông Vương Văn Đ) và chia một phần diện tích cho gia đình ông út ông T là ông Dương Văn T6 (đã chết) do chú Dương Văn M (con ông T6) đại diện. Cụ thể như sau:

1/ Bà Vương Thị H1 (cô tư ông T) được phân chia: 2.891m² do có công trực tiếp sinh sống bảo vệ gìn giữ xuyên suốt thời gian từ trước đến ngày chia.

2/ Ông Vương Minh T1 (đại diện gia đình ông Vương Văn Đ) được phân chia: 2.813m²

3/ Ông: Dương Văn M (đại diện gia đình ông Dương Văn T6) được phân chia: 980m²

Tờ phân chia đất thổ cư và đất vườn của dòng tộc được thực hiện vào năm 2004 có xác nhận của UBND thị trấn B ký xác nhận vào ngày 09/01/2006.

Sau khi hoàn thành thủ tục việc phân chia đất của dòng tộc có sự xác nhận của chính quyền địa phương. Các bác, các cô trong gia đình nội ông T do bác ba là ông Vương Văn T5 là chủ trì tiếp tục họp gia đình và thống nhất như sau:

1- Bà Vương Thị H1 là người có công xuyên suốt gìn giữ đất này từ xưa đến giờ nên được hưởng toàn bộ phần diện tích đất đã được phân chia là 2.891m².

2- Riêng phần diện đất 2.813m² do ông Vương Minh T1 đại diện nhận phân chia sẽ tiếp tục phân chia cho các cháu với hình thức cho (tặng) đối với: Vương Tiến C (con trai ruột của ông Vương Văn T5): 10m ngang x chiều dài hết đất (đã được sang tên đứng chủ quyền); Vương Tiến V2 (con trai ruột của ông Vương Văn L): 10m ngang x chiều dài hết đất (đã được sang tên đứng chủ quyền); Vương Tiến T (con trai ruột của ông Vương Minh T4): 10m ngang x chiều dài hết đất khi đủ tuổi trưởng thành.

Nhưng khi ông T đến tuổi trưởng thành và cho đến hiện nay sau khi rất nhiều lần liên hệ gặp mặt nhắc nhở ông T1 làm thủ tục sang tên để giao trả đất lại cho ông T, ông T1 nhiều lần hứa hẹn nhưng không thực hiện mà làm hợp đồng tặng cho con gái ruột là Vương Thị Thùy T2.

Nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng tặng cho QSDĐ giữa ông T1, bà T3 với bà T2 là vô hiệu và buộc ông T1 trả lại cho ông Trực diện T7 đất ngang 10m x dài hết đất, (theo đo đạc thực tế là 415,6m²) thuộc thửa số 94, tờ bản đồ số 26 tại Khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

* **Bị đơn ông T1 trình bày:** không đồng ý với yêu cầu của ông T. Ông T trình bày về việc gia tộc phân chia tài sản cho ông, bà H1 và ông M là đúng. Ông thừa nhận tại thời điểm phân chia thì ông T4 là cha ruột của ông T đã chết. Nhưng trước đó ông T4 đã được anh chị em giúp một phần tiền 4.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng rồi. Sau khi ông và vợ ông là bà T3 được cấp giấy chứng nhận QSDĐ thì toàn bộ phần đất thuộc QSD hợp pháp của vợ chồng ông. Ông có chuyển nhượng cho ông C và ông V2 là do ông ưu tiên bán cho người nhà trước chứ không có nghĩa vụ chia lại. Ông thừa nhận ông có hứa việc tách trả lại 10m đất cho ông T như trong đoạn ghi âm mà ông T cung cấp nhưng ông nói trong tình trạng say rượu không làm chủ nhận thức nên không có giá trị. Việc ông lập hợp đồng tặng cho QSDĐ đối với bà T2 là hợp đồng giả tạo che giấu việc chuyển nhượng nhằm trốn thuế chứ thật ra ông chuyển nhượng toàn bộ

QSDĐ diện tích 1.205,9m² vào năm 2011 theo giấy chứng nhận QSDĐ số CH01135 ngày 07/12/2011 đứng tên vợ chồng ông cho vợ chồng bà T2, ông V2. Tiền đã nhận xong và cũng đã giao đất cho bà T2, ông V2 quản lý sử dụng.

*** Bị đơn- bà T2 và người đại diện theo ủy quyền là ông V2 trình bày:** bà T2, ông V2 cho rằng vợ chồng ông bà đã nhận chuyển nhượng QSDĐ từ ông T1, bà T3 nhưng để ông T1, bà T3 không phải chịu tiền thuế nên mới tiến hành làm hợp đồng tặng cho QSDĐ. Bà T2 và ông V2 đã làm thủ tục sang tên theo quy định nên có toàn quyền đối với phần đất này, đồng thời, không có việc ông T1 hứa sẽ tách cho ông T phần đất ngang 10 mét mà bà chỉ đồng ý bán lại 10m cho ông T với giá rẻ. Bà T2 thừa nhận ông T cung cấp nội dung ghi âm bà T2 nói chuyện với người tên N là đúng, tuy nhiên bà cho rằng nội dung là bà đồng ý bán lại 10 ngang đất cho ông T chứ không thừa nhận nghĩa vụ trả lại đất cho ông T. Do vậy bà không đồng ý với yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho QSDĐ giữa vợ chồng bà với ông T1, bà T3, không đồng ý trả lại QSDĐ cho ông T.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- bà T3 trình bày:** Thống nhất với ý kiến của ông T1.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- ông V2 trình bày:** Thống nhất với ý kiến trình bày của bà T2.

Bản án sơ thẩm dân sự số 32a/2024/DSST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vương Tiến T đối với ông Vương Minh T1 và bà Vương Thị Thùy T2 về việc đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và tranh chấp về hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

1.1. Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 28/10/2022, số công chứng 1922; quyền số 10/2022 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C1 vô hiệu.

1.2. Ông Vương Minh T1, bà Đoàn Thị T3, bà Vương Thị Thùy T2, ông Mai Anh V có nghĩa vụ giao trả cho ông Vương Tiến T quyền sử dụng đất có diện tích 415,6m² (trong đó có 17,2m² đất ở tại đô thị và 398,4m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 94, tờ bản đồ số 26 tại Khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh có tứ cận:

Đông giáp thửa 93 dài 42,10m;

Tây Bắc giáp đường đất dài 10m;

Cạnh hướng Tây dài 41,91m thuộc thửa 94;

Cạnh phía Nam giáp thửa 178 dài 03m + thửa 63 dài 2,5m + thửa 65 dài 4,5m.

(Có sơ đồ đo đạc hiện trạng kèm theo)

2. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành làm các thủ tục để được điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như nội dung phần

quyết định đã tuyên theo quy định của pháp luật về đất đai, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 04-10-2025, ông Vương Minh T1 và bà Vương Thị Thùy T2 có đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Vương Minh T1 và bà Vương Thị Thùy T2; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

1. Về thủ tục tố tụng: Xét kháng cáo của ông Vương Minh T1 và bà Vương Thị Thùy T2 là phù hợp theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Vương Minh T1 và bà Vương Thị Thùy T2, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T, nhận thấy:

Ông Vương Minh T1, ông Vương Tiến T và bà Vương Thị Thùy T2 đều thống nhất trình bày nguồn gốc phần đất tranh chấp thuộc thửa 94, tờ bản đồ số 26, tại khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh có nguồn gốc đất là thừa hưởng của ông bà để lại. Ông T1 được nhận một phần diện tích đất của tông chi thông qua Tờ Phân chia đất thổ cư + vườn vào năm 2004 và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B ký thị thực ngày 09-01-2006. Theo văn bản thỏa thuận phân chia đất này của họ tộc, ông T1 hưởng 2.813m²; sau đó ông T1 chuyển nhượng cho nhiều người nên diện tích còn lại 1.205,9m², theo Giấy chứng nhận QSDĐ số CH01135 ngày 07-12-2011. Đến ngày 28-10-2022 ông T1, bà T3 đã tặng cho toàn bộ diện tích đất này con là bà Vương Thị Thùy T2.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tại thời điểm lập “Tờ phân chia đất thổ cư + vườn” được lập vào năm 2004 thì ông Vương Minh T4 (cha ông Vương Tiến T) đã chết; nhưng tờ thỏa thuận phân chia đất này không có ý kiến của những người thừa kế của ông T4 là ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông T. Tuy nhiên, ông T trình bày cho rằng việc thỏa thuận chia đất của họ tộc cho ông T1 đứng tên quyền sử dụng đất 2.813m²; nhưng có thỏa thuận trong họ tộc là trong diện tích đất này ông T1 có nghĩa vụ giao lại cho ông Trục diện T7 đất ngang 10m và dài hết đất khi ông T đủ điều kiện đứng tên giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất; việc thoả thuận này không lập bằng văn bản nhưng lời trình bày của ông T là có căn cứ, phù hợp với lời trình bày của những người trong họ tộc của ông T1, ông T đã trình bày, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là phù hợp.

3. Từ những cơ sở trên, nhận thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Vương Minh T1 và bà Vương Thị Thùy T2; chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 28-10-2022, số công chứng 1922; quyền số 10/2022 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C1 vô hiệu là chưa phù hợp, vì hợp đồng này chỉ bị vô hiệu đối với phần diện tích đất tranh chấp; nên cấp phúc thẩm giữ nguyên án sơ thẩm nhưng có điều chỉnh cách tuyên đối phần quyết định này.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên ông T1, bà T2 phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Vương Minh T1 và bà Vương Thị Thùy T2.

2. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 32a/2024/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

3. Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 34, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 124, Điều 164, 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 100, Điều 106, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

3.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vương Tiến T đối với ông Vương Minh T1 và bà Vương Thị Thùy T2 về việc đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và tranh chấp về hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

3.2. Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 28-10-2022, số công chứng 1922; quyền số 10/2022 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C1 vô hiệu đối với diện tích đất 415,6m² (trong đó có 17,2m² đất ở tại đô thị và 398,4m² đất trồng cây lâu năm), thuộc thửa đất số 94, tờ bản đồ số 26, tại Khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh (Có sơ đồ đo đạc hiện trạng kèm theo).

3.3. Ông Vương Minh T1, bà Đoàn Thị T3, bà Vương Thị Thùy T2, ông Mai Anh V có nghĩa vụ giao trả cho ông Vương Tiến T quyền sử dụng đất có

diện tích 415,6m² (trong đó có 17,2m² đất ở tại đô thị và 398,4m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 94, tờ bản đồ số 26 tại Khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh có tứ cận:

Đông giáp thửa 93 dài 42,10m;

Tây Bắc giáp đường đất dài 10m;

Cạnh hướng Tây dài 41,91m thuộc thửa 94;

Cạnh phía Nam giáp thửa 178 dài 03m + thửa 63 dài 2,5m + thửa 65 dài 4,5m.

(Có sơ đồ đo đạc hiện trạng kèm theo)

3.4. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành làm các thủ tục để được điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như nội dung phần quyết định đã tuyên theo quy định của pháp luật về đất đai, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về chi phí tố tụng: ông Vương Minh T1 phải chịu 10.000.000 (mười triệu) đồng. Ông Vương Minh T1 có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Vương Tiến T số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng ông T đã nộp tạm ứng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Vương Thị Thùy T2 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

+ Ông Vương Minh T1 được miễn án phí.

+ Hoàn trả cho ông Vương Tiến T số tiền 11.000.000 (mười một triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023176 ngày 02-10-2023 và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012172 ngày 16-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Vương Minh T1 và bà Vương Thị Thùy T2 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm; được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0012333 ngày 09-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Bến Cầu;
- CCTHADS huyện Bến Cầu;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đương sự;
- Lưu tập QĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tuấn